# HỒ SƠ MỜI THẦU

| | |
|---|---|
| **Số hiệu gói thầu và số E-TBMT** | IB2200018793-00 |
| **Tên gói thầu** | Gói thầu số 05: Tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành |
| **Dự án** | Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1973+332 - Km1973+560 (T), Km1973+560 - Km1975+100, Km1975+100 - Km1975+750 (P), Km1975+750 - Km1977+800, Km1977+800 - Km1979+100 (P), Km1980+300 - Km1982+756 (T), Km1980+500 - Km1982+400 (P), Km1985+800 - Km1986+356 (P), Km1986+356 - Km1987+560. Sửa chữa hệ thống thoát nước các đoạn Km1977+546 - Km1977+650 (P), Km1977+600 - Km1977+840 (T), Km1982+200 - Km1982+550 (P), Km2017+600 - Km2017+950 (P,T), Km2018+290 - Km2018+480 (P), Km2022+780 |
| **Phát hành ngày** | |
| **Ban hành kèm theo quyết định** | |

# Chương I: Chỉ dẫn nhà thầu

| | |
|---|---|
| 1. Phạm vi gói thầu | 1.1 Bên mời thầu quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.<br>1.2. Tên gói thầu, dự án được quy định tại E-BDL. |
| 2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng | 2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.<br>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.<br>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7). |
| 3. Nguồn vốn | Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL. |
| 4. Hành vi bị cấm | 4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.<br>4.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.<br>4.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:<br>a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;<br>b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị E-HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;<br>4.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:<br>a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;<br>b) Cá nhân trực tiếp đánh giá E-HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;<br>c) Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong E-HSDT dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.<br>4.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:<br>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với |

| | |
|---|---|
| | bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;<br>b) Các hành vi cản trở đối với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.<br>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:<br>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư;<br>b) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;<br>c) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu tham dự thầu;<br>d) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;<br>4.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 73, khoản 12 Điều 74, điểm i khoản 1 Điều 75, khoản 7 Điều 76, khoản 7 Điều 78, điểm d khoản 2 Điều 92 của Luật đấu thầu:<br>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;<br>b) Nội dung E-HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;<br>c) Nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;<br>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;<br>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;<br>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của pháp luật. |

| | |
|---|---|
| | 4.8. Chuyển nhượng thầu, bao gồm các hành vi sau đây:<br>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết;<br>b) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc trách nhiệm thực hiện của nhà thầu, trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng. |
| 5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu | 5.1. Hạch toán tài chính độc lập.<br>5.2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.<br>5.3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL.<br>5.4. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.<br>5.5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống. |
| 6. Nội dung của E-HSMT | 6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:<br>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:<br>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;<br>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;<br>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT;<br>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.<br>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:<br>- Chương V. Điều khoản tham chiếu.<br>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:<br>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;<br>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;<br>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. |

| | |
|---|---|
| | 6.2. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu trên Hệ thống. E-HSMT do Bên mời thầu phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.<br>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp. |
| 7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT | 7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-BDL và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.<br>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.<br>7.3. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Bên mời thầu và nhà thầu phải được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.<br>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.<br>7.5. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị |

| | |
|---|---|
| | của nhà thầu.<br>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. |
| 8. Chi phí dự thầu | E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu. |
| 9. Ngôn ngữ của E-HSDT | E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết). |
| 10. Thành phần của E-HSDT | E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC:<br>10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây:<br>- Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;<br>- Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh);<br>- Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV;<br>10.2. E-HSĐXTC phải bao gồm các thành phần sau đây:<br>- Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;<br>- Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 12 E-CDNT.<br>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL. |
| 11. Đơn dự thầu và các bảng biểu | Nhà thầu điền trực tiếp thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT. |
| 12. Giá dự thầu và giảm giá | 12.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu. |

| | |
|---|---|
| | Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.<br>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.<br>12.3. Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá cố định, giá dự thầu không được vượt quá chi phí thực hiện gói thầu quy định tại E-BDL. |
| 13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán | Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND. |
| 14. Đề xuất kỹ thuật | 14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).<br>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.<br>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.<br>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình. |
| 15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT | 15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.<br>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống. |
| 16. Thời điểm đóng thầu | 16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.<br>16.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo |

| | |
|---|---|
| | thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. |
| 17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT | 17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.<br>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi bên mời thầu thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.<br>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.<br>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá. |
| 18. Mở E-HSĐXKT | 18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu nộp E-HSDT thì Bên mời thầu mở thầu ngay mà không phải xử lý tình huống theo quy định tại Khoản 4 Điều 117 Nghị định 63. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.<br>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:<br>a) Thông tin về gói thầu:<br>- Số E-TBMT;<br>- Tên gói thầu;<br>- Tên bên mời thầu;<br>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;<br>- Loại hợp đồng;<br>- Thời điểm hoàn thành mở thầu; |

| | |
|---|---|
| | - Tổng số nhà thầu tham dự.<br>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:<br>- Tên nhà thầu;<br>- Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT;<br>- Thời gian thực hiện hợp đồng;<br>- Các thông tin liên quan khác (nếu có). |
| 19. Đánh giá E-HSĐXKT | 19.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.<br>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:<br>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;<br>- Hệ thống tự động đánh giá các nội dung về tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.<br>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.<br>Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).<br>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.<br>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III.<br>- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm để đánh giá.<br>Trường hợp các thông tin kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại.<br>- Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm.<br>- Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform và trong tài liệu đính kèm.<br>- Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống;<br>- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, giá cố định hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và |

| | |
|---|---|
| | giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSĐXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 E-CDNT.<br>- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSĐXTC theo Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT.<br>- Nhà thầu có E-HSĐXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSĐXTC để đánh giá. |
| 20. Mở E-HSĐXTC | 20.1. E-HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.<br>20.2. Biên bản mở E-HSĐXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:<br>a) Thông tin về gói thầu:<br>- Số thông báo mời thầu;<br>- Tên gói thầu;<br>- Tên bên mời thầu;<br>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;<br>- Loại hợp đồng;<br>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;<br>b) Thông tin về các nhà thầu được mở hồ sơ đề xuất về tài chính:<br>- Tên nhà thầu;<br>- Giá dự thầu;<br>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);<br>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá)<br>- Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật;<br>- Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXTC;<br>- Các thông tin liên quan khác (nếu có). |
| 21. Đánh giá E-HSĐXTC và xếp | 21.1. Đánh giá E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;<br>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Nhà |

| | |
|---|---|
| hạng nhà thầu | thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. |
| 22. Bảo mật | 22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.<br>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. |
| 23. Làm rõ E-HSDT | 23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.<br>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.<br>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.<br>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.<br>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT |
| 24. Hiệu chỉnh | 24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều |

| | |
|---|---|
| sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian | chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.<br>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt về số lượng, khối lượng của từng nội dung thuộc chi phí khác cho chuyên gia nêu tại Mẫu số 13 Chương IV so với nội dung tương ứng thuộc đề xuất kỹ thuật thì số lượng, khối lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc hiệu chỉnh sai lệch. |
| 25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu | 25.1. Nguyên tắc ưu đãi<br>a) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi nêu tại Mục này thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi cao nhất;<br>b) Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các E-HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu.<br>25.2. Đối tượng và cách tính ưu đãi:<br>a) Đối tượng được hưởng ưu đãi: nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có thời gian sử dụng lao động tối thiểu bằng thời gian thực hiện gói thầu;<br>b) Cách tính ưu đãi: E-HSDT của nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi sẽ được xếp hạng cao hơn E-HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp E-HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau. Trường hợp sau khi ưu đãi nếu các E-HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu.<br>25.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.2 E-CDNT, nhà thầu đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSĐXKT. |
| 26. Nhà thầu phụ | 26.1. Nhà thầu phụ là nhà thầu ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu chính phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.<br>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà |

| | |
|---|---|
| | thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Trường hợp trong E-HSDT, nếu nhà thầu chính không đề xuất sử dụng nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc sẽ sử dụng nhà thầu phụ thì được hiểu là nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu.<br>26.3. Nhà thầu chính chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL.<br>26.4. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi "chuyển nhượng thầu". |
| 27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng | 27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm c Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.<br>27.2. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:<br>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;<br>b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;<br>c) E-HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).<br>27.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:<br>a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần "Mô tả dịch vụ" của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;<br>b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự; |

| | |
|---|---|
| | c) Tiến độ;<br>d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);<br>đ) Bố trí điều kiện làm việc;<br>e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;<br>g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;<br>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.<br>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.<br>27.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.<br>27.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.<br>27.6. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng. |
| 28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu | Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; |

| | |
|---|---|
| | 28.2. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;<br>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;<br>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL. |
| 29. Hủy thầu | 29.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:<br>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong E-HSMT;<br>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong E-HSMT;<br>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;<br>d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.<br>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 29.1 E-CDNT) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. |
| 30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu | 30.1. Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:<br>a) Thông tin về gói thầu:<br>- Số E-TBMT;<br>- Tên gói thầu;<br>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);<br>- Tên Bên mời thầu;<br>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;<br>- Loại hợp đồng.<br>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: |

| | |
|---|---|
| | - Mã số doanh nghiệp hoặc số Đăng ký doanh nghiệp của nhà thầu;<br>- Tên nhà thầu;<br>- Giá dự thầu;<br>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);<br>- Điểm kỹ thuật;<br>- Giá trúng thầu;<br>- Thời gian thực hiện hợp đồng;<br>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.<br>30.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu. |
| 31. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng | Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:<br>31.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:<br>a) Dự thảo hợp đồng;<br>b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu;<br>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;<br>d) Biên bản thương thảo hợp đồng;<br>đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);<br>e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).<br>31.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu bên mời thầu không nhận được văn bản chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.<br>31.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bên mời thầu đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để các chủ đầu tư, bên mời |

| | |
|---|---|
| | thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.<br>31.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. |
| 32. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu | 32.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII Nghị định 63.<br>32.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị bằng văn bản theo địa chỉ quy định tại E-BDL. |
| 33. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu | Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại E-BDL. |

## Chương II - Bảng dữ liệu

### E-CDNT 1.1

Tên Bên mời thầu là: Ban Quản lý dự án 5

### E-CDNT 1.2

Tên gói thầu: Gói thầu số 05: Tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành
Tên dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1973+332 - Km1973+560 (T), Km1973+560 - Km1975+100, Km1975+100 - Km1975+750 (P), Km1975+750 - Km1977+800, Km1977+800 - Km1979+100 (P), Km1980+300 - Km1982+756 (T), Km1980+500 - Km1982+400 (P), Km1985+800 - Km1986+356 (P), Km1986+356 - Km1987+560. Sửa chữa hệ thống thoát nước các đoạn Km1977+546 - Km1977+650 (P), Km1977+600 - Km1977+840 (T), Km1982+200 - Km1982+550 (P), Km2017+600 - Km2017+950 (P,T), Km2018+290 - Km2018+480 (P), Km2022+780

### E-CDNT 3

Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn):  Ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ.

### E-CDNT 5.3

Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:
- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 5. Địa chỉ chủ đầu tư: 10B Nguyễn Chí Thanh - Đà Nẵng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Bên mời thầu: Ban Quản lý dự án 5. Địa chỉ bên mời thầu: 10B Nguyễn Chí Thanh - Đà Nẵng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
Trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của

tập đoàn.

- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau:

| Vai trò | Tên nhà thầu | Địa chỉ |
|---|---|---|
| Tư vấn lập e-HSMT | Ban Quản lý dự án 5 | 10B, Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng |
| Tư vấn thẩm định e-HSMT | Chi cục Quản lý đầu tư xây dựng đường bộ | Lô D20 - Khu Đô thị Cầu Giấy - Hà Nội |
| Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu | Chi cục Quản lý đầu tư xây dựng đường bộ | Lô D20 - Khu Đô thị Cầu Giấy - Hà Nội |
| Tư vấn đánh giá e-HSDT, kết quả lựa chọn nhà thầu | Ban Quản lý dự án 5 | 10B, Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng |
| Tư vấn khảo sát, lập BCNCKT và Tư vấn khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán | Công ty cổ phần tư vấn C.E.O | |
| Tư vấn Giám sát thi công xây dựng | Liên danh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thành Công - Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng công trình giao thông Miền Bắc | |
| Nhà thầu thi công | Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng 886 Thành Nam và Công ty TNHH Infrasol | |

Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tư vấn (đã nêu trên) .

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^{n} Xi \times Yi$$

Trong đó:
Xi: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;
Yi: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;
n: Số thành viên tham gia trong liên danh.

**E-CDNT 7.1**

Thời hạn sửa đổi E-HSMT: Tối thiểu 5 ngày

**E-CDNT 7.3**

Hội nghị tiền đấu thầu: Không

**E-CDNT 8**

Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND

**E-CDNT 10.3**

Loại tài liệu yêu cầu: a/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), ngành nghề kinh doanh có dịch vụ kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b/ Về kinh nghiệm hợp đồng tương tự: Nhà thầu cần phải nộp các tài liệu sau:
+ Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng với Chủ đầu tư/Ban QLDA;
+ Bản thanh lý hợp đồng hoặc Biên bản nghiệm thu hoặc Xác nhận của Chủ đầu tư về việc đơn vị đã thực hiện hoàn thành đảm bảo chất lượng, đảm bảo tiến độ và các tài liệu khác để chứng minh; Tài liệu chứng minh cấp công trình và quy mô tính chất tương tự của công trình như Quyết định phê duyệt TKKT, BVTC..
c/ Năng lực nhân sự:
- Đối với nhân sự chủ chốt như: Nhà thầu cung cấp bằng tốt nghiệp và các chứng chỉ hành nghề liên quan, các tài liệu chứng minh đã từng đảm nhiệm các chức danh, đã từng thực hiện các dự án (Xác nhận của Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư).

**E-CDNT 12.2**

Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu

**E-CDNT 12.3**

Chi phí thực hiện gói thầu: 310.882.000 đồng

**E-CDNT 14.3**

Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng

**E-CDNT 15.1**

Thời gian có hiệu lực của e-HSDT: ≥ 150 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

**E-CDNT 19.1**

Phương pháp đánh giá e-HSDT

Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm
Đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

**E-CDNT 21.2**

Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.

**E-CDNT 26.3**

Sử dụng nhà thầu phụ: Không được sử dụng

**E-CDNT 28.4**

Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: 310882000

**E-CDNT 31.2**

Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn tối đa: 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.

**E-CDNT 32.2**

- Địa chỉ của người có thẩm quyền: Tên người có thẩm quyền: Cục đường bộ Việt Nam. Địa chỉ: Lô D20 - Khu Đô thị Cầu Giấy - Hà Nội. Số điện thoại: 02438571444. Số fax: 2438571440.

- Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Bộ phận thường trực giúp việc của hội đồng tư vấn: Chi cục Quản lý đầu tư xây dựng đường bộ. Địa chỉ: Lô D20 - Khu Đô thị Cầu Giấy - Hà Nội. Số điện thoại: 02435380262. Số fax: 2435380262.

**E-CDNT 33**

Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: không áp dụng

# Chương III: Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

## Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của e-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

| STT | Nội dung |
|---|---|
| 1 | Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong điều khoản tham chiếu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này. |
| 2 | Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT. |
| 3 | Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).<br>- Nhà thầu độc lập, các thành viên Liên danh có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và phải có tên trong danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính công bố trên trang Web của Bộ Tài chính tại thời điểm gần nhất so với ngày đóng thầu.<br>- Các nhân sự chủ chốt (Trưởng đoàn kiểm toán; Tổ trưởng kiểm toán về tài chính, Tổ trưởng kiểm toán về kỹ thuật) phải có tên trong danh sách kiểm toán viên hành nghề đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán do Bộ Tài chính công bố trên trang Web của Bộ Tài chính tại thời điểm gần nhất so với ngày đóng thầu.<br>Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo. |

## Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1 Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt; không quy định mức điểm tối thiểu đối với nội dung năng lực và kinh nghiệm. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

**Bảng số 01**

| STT | Tiêu chuẩn | Mức điểm tối đa | Thang điểm chi tiết | Mức yêu cầu tối thiểu |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu(Từ 10 đến 20% tổng số điểm)** | 15 | | |
| 1.1 | Đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự trong 5 năm gần đây:<br>+ Đối với nhà thầu độc lập: Nhà thầu đã thực hiện hoàn thành ít nhất 01 hợp đồng tương tự, giá trị hợp đồng ≥ 310 triệu đồng.<br>+ Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh đã thực hiện hoàn thành ít nhất 01 hợp đồng tương tự phù hợp với tính chất, khối lượng công việc phân chia trong thỏa thuận liên danh và có giá trị hợp đồng ≥ 310 triệu đồng nhân với tỷ lệ % tham gia theo thỏa thuận trong liên danh.<br>Ghi chú:<br>+ Hợp đồng tương tự là hợp đồng Tư vấn kiểm toán quyết toán dự án/công trình hoàn thành của dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ/cầu đường bộ cấp III trở lên có tổng mức đầu tư ≥ 70 tỷ đồng;<br>+ Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là | 6 | - Lớn hơn hoặc bằng 02 hợp đồng (100%) tương đương 6 điểm;<br>- 01 hợp đồng (75%): 4 điểm;<br>- Không có hợp đồng tương tự đạt yêu cầu (0%): 0 điểm; | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện. Đối với nhà thầu phụ phải đính kèm các tài liệu:<br>(i) Hợp đồng ký giữa Nhà thầu chính và Chủ đầu tư, Hợp đồng ký giữa Nhà thầu phụ với nhà thầu chính, các phụ lục hợp đồng (nếu có);<br>(ii) Văn bản chấp thuận của Chủ đầu tư về sử dụng nhà thầu phụ hoặc các tài liệu liên quan khác để chứng minh việc tham gia thực hiện hợp đồng của nhà thầu phụ.<br>Tài liệu chứng minh phải được chứng thực, sao y bản chính kèm theo là Hợp đồng tư vấn, các phụ lục hợp đồng (nếu có); Bản thanh lý hợp đồng hoặc Biên bản nghiệm thu; Xác nhận của Chủ đầu tư về việc đơn vị đã thực hiện hoàn thành đảm bảo chất lượng, đảm bảo tiến độ và các tài liệu khác để chứng minh; Tài liệu chứng minh cấp công trình và quy mô tính chất tương tự của công trình như Quyết định phê duyệt TKKT, BVTC...<br>Trường hợp tài liệu chứng minh chưa đủ rõ để xác định khả năng đáp ứng thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ hoặc liên hệ với chủ đầu tư để xác minh. | | | |
| 1.2 | Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng); thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu | 2 | - Tất cả hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (100%) tương | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | đương 2 điểm;<br>- 75% các hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (50%) tương đương 1 điểm;<br>- Không có hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (0%) tương đương 0 điểm; | |
| 1.3 | Doanh thu từ hoạt động tư vấn bình quân trong 03 năm gần đây (tính đến thời điểm đóng thầu) | 2 | - Doanh thu từ hoạt động tư vấn bình quân 03 năm gần đây >0 (100%) tương đương 2 điểm;<br>- Doanh thu từ | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | hoạt động tư vấn bình quân 03 năm gần đây nhỏ hơn hoặc bằng 0 (0%) tương đương 0 điểm; | |
| 1.4 | Số lượng Kiểm toán viên của nhà thầu được công bố trên website của Bộ Tài chính tại thời điểm gần nhất<br>Đối với nhà thầu liên danh, tiêu chí này căn cứ vào tổng số Kiểm toán viên của cả liên danh. | 2 | - Hơn 7 người (100%) tương đương 2 điểm;<br>- Từ 5-7 người (50%) tương đương 1 điểm;<br>- Dưới 5 người hoặc trường hợp Liên danh có ít nhất 1 thành viên không đủ số lượng người (5 kiểm toán viên) (0%) tương đương 0 điểm; | |
| 1.5 | Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán đối với nhà thầu độc lập.<br>Đối với liên danh: từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng như với nhà thầu độc lập, điểm đánh giá tính theo thành viên có số năm kinh nghiệm ít hơn. | 3 | - Hơn 10 năm (100%) tương đương 3 điểm;<br>- Từ 07 - 10 năm (50%) tương | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | đương 2 điểm;<br>- Dưới 07 năm (0%) tương đương 0 điểm. | |
| 2 | **Giải pháp và phương pháp luận(Từ 30 đến 40% tổng số điểm)** | 35 | | |
| 2.1 | Mức độ hiểu biết của nhà thầu về mục tiêu, quy mô và nhiệm vụ của gói thầu đã nêu trong điều khoản tham chiếu | 7 | - Mức độ rất tốt (85%-100%) điểm tối đa;<br>- Mức độ tốt (70%-85%) điểm tối đa;<br>- Mức độ đạt yêu cầu (50%-70%) điểm tối đa;<br>- Không đạt yêu cầu (0%) tương đương 0 điểm. | |
| 2.2 | Cách tiếp cận và phương pháp luận:<br>- Hiểu rõ nhiệm vụ, đề xuất về kỹ thuật hợp lý, đầy đủ so với yêu cầu nêu trong điều khoản tham chiếu; Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; có sự nghiên cứu tìm hiểu kỹ về các công việc của gói thầu và các giải pháp đề xuất; có phân công nhiệm vụ chi tiết, hợp lý cho từng chuyên gia tư vấn; | 7 | - Mức độ rất tốt (85%-100%) điểm tối đa;<br>- Mức độ tốt (70%-85%) điểm tối đa;<br>- Mức độ đạt yêu cầu (50%-70%) | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | điểm tối đa;<br>- Không đạt yêu cầu (0%) tương đương 0 điểm. | |
| 2.3 | Sáng kiến cải tiến: Có đề xuất các sáng kiến cải tiến hợp lý để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện gói thầu; | 5 | - Mức độ tốt (85%-100%) điểm tối đa;<br>- Mức độ hợp lý (50%-85%) điểm tối đa;<br>- Không có đề xuất sáng kiến hoặc đề xuất sáng kiến nhưng không hợp lý đánh giá 0 điểm. | |
| 2.4 | Mức độ hợp lý và hoàn chỉnh của kế hoạch thực hiện công tác kiểm toán do nhà thầu đề xuất để thực hiện gói thầu: Trình bày hợp lý và hoàn chỉnh | 5 | - Trình bày hợp lý và hoàn chỉnh (85%-100%) điểm tối đa;<br>- Trình bày hợp lý nhưng chưa hoàn chỉnh (50%-85%) điểm tối đa;<br>- Chưa hợp lý: | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Đánh giá 0% điểm. | |
| 2.5 | Mức độ hợp lý và hoàn chỉnh của việc huy động nhân sự để thực hiện gói thầu | 5 | - Bố trí nhân sự đáp ứng tốt yêu cầu công việc, có tăng cường hỗ trợ các nhân sự chủ chốt so với yêu cầu tối thiểu của HSMT: (85%-100%) điểm tối đa;<br>- Bố trí nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc nhưng không có tăng cường hỗ trợ các nhân sự chủ chốt so với yêu cầu tối thiểu của HSMT: (50%-85%) điểm tối đa;<br>- Bố trí nhân sự không đáp ứng yêu cầu công việc và không có | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | tăng cường hỗ trợ các nhân sự chủ chốt so với yêu cầu tối thiểu của HSMT: Đánh giá 0 điểm. | |
| 2.6 | Kế hoạch triển khai:<br>- Nội dung và yêu cầu nhiệm vụ công tác kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành. Trong đó nêu rõ kế hoạch triển khai thực hiện, đảm bảo khả thi về tiến độ và hợp lý so với nhiệm vụ yêu cầu.<br>- Nêu chi tiết trình tự thực hiện công tác kiểm toán, trong đó thể hiện vai trò trách nhiệm của các nhân sự chủ chốt.<br>- Các biện pháp đảm bảo chất lượng, tiến độ hoàn thành trong quá trình thực hiện gói thầu | 6 | - Mức độ rất tốt, Đề xuất rút ngắn tiến độ > 15 ngày so với yêu cầu: (85%-100%) điểm tối đa;<br>- Mức độ tốt, Đề xuất rút ngắn tiến độ từ 10 đến 15 ngày so với yêu cầu: (70%-85%) điểm tối đa;<br>- Mức độ đạt yêu cầu: (50%-70%) điểm tối đa;<br>- Không đạt yêu cầu: Đánh giá 0 điểm; | |
| 3 | **Nhân sự(Từ 50 đến 60% tổng số điểm)** | 50 | | |

| | **Vị trí nhân sự** | **Số lượng** | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 3.1 | Trưởng đoàn kiểm toán | 1 | 15 | | |
| 3.1.1 | Bằng cấp | | 2 | - Trình độ từ thạc sỹ trở lên ngành/ chuyên ngành kinh tế: 2 điểm;<br>- Trình độ đại học ngành/ chuyên ngành kinh tế: 1 điểm;<br>- Trình độ dưới đại học: 0 điểm | |
| 3.1.2 | Kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn kiểm toán | | 5 | - Hơn 20 năm: 5 điểm;<br>- Từ 15-20 năm: 3 điểm;<br>- Dưới 15 năm: 0 điểm; | |
| 3.1.3 | Có kinh nghiệm làm trưởng nhóm kiểm toán (hoặc tương đương) tối thiểu 01 hợp đồng tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ/ cầu đường bộ cấp III trở lên (Phải có xác nhận của Chủ đầu tư/ Ban QLDA): | | 6 | - Từ 02 hợp đồng trở lên: 6 điểm;<br>- Có 01 hợp đồng: 4 điểm<br>- < 01 hợp đồng: 0 điểm; | |
| 3.1.4 | - Có  Chứng chỉ kiểm toán viên; | | 2 | - Đáp ứng tất cả | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | - Có giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán còn hiệu lực;<br>- Có tên trong danh sách các kiểm toán viên đủ điều kiện hành nghề do Bộ Tài chính công bố trên trang Web của Bộ Tài chính tại thời điểm gần nhất so với ngày đóng thầu | | | tiêu chí trên: 2 điểm;<br>- Không đáp ứng các tiêu chí trên: 0; | |
| 3.2 | Tổ trưởng kiểm toán về tài chính | 1 | 10 | | |
| 3.2.1 | Bằng cấp | | 2 | - Trình độ từ thạc sỹ trở lên ngành/ chuyên ngành kinh tế hoặc kế toán: 2 điểm;<br>- Trình độ đại học ngành/ chuyên ngành kinh tế hoặc kế toán: 1 điểm;<br>- Trình độ dưới đại học: 0 điểm; | |
| 3.2.2 | Kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán: | | 2 | - Hơn 15 năm: 2 điểm;<br>- Từ 10-15 năm: 1 điểm;<br>- Dưới 10 năm: 0; | |
| 3.2.3 | Có kinh nghiệm làm Tổ trưởng/Trưởng nhóm kiểm toán về tài chính (hoặc tương đương) tối thiểu 01 hợp đồng tư vấn kiểm | | 4 | - Từ 02 hợp đồng trở lên: 4 điểm; | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | toán quyết toán dự án hoàn thành của dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ/cầu đường bộ (Phải có xác nhận của Chủ đầu tư/Ban QLDA). | | | - Có 01 hợp đồng: 2 điểm;<br>- Dưới 01 hợp đồng: 0 điểm; | |
| 3.2.4 | - Có  Chứng chỉ kiểm toán viên;<br>- Có giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán còn hiệu lực;<br>- Có tên trong danh sách các kiểm toán viên đủ điều kiện hành nghề do Bộ Tài chính công bố trên trang Web của Bộ Tài chính tại thời điểm gần nhất so với ngày đóng thầu. | | 2 | - Đáp ứng tất cả tiêu chí trên: 2 điểm;<br>- Không đáp ứng các tiêu chí trên: 0 điểm | |
| 3.3 | Tổ trưởng kiểm toán về kỹ thuật | 1 | 10 | | |
| 3.3.1 | Bằng cấp | | 2 | - Trình độ từ thạc sỹ trở lên ngành/ chuyên ngành kinh tế hoặc kế toán: 2 điểm;<br>- Trình độ đại học ngành/ chuyên ngành kinh tế hoặc kế toán: 1 điểm;<br>- Trình độ dưới đại học: 0 điểm; | |
| 3.3.2 | Kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán: | | 2 | - Hơn 15 năm: 2 điểm;<br>- Từ 10-15 năm: | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 1 điểm;<br>- Dưới 10 năm: 0; | |
| 3.3.3 | Có kinh nghiệm làm Tổ trưởng/Trưởng nhóm kiểm toán về kỹ thuật (hoặc tương đương) tối thiểu 01 hợp đồng tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ/cầu đường bộ (Phải có xác nhận của Chủ đầu tư/Ban QLDA). | | 4 | - Từ 02 hợp đồng trở lên: 4 điểm;<br>- Có 01 hợp đồng: 2 điểm;<br>- Dưới 01 hợp đồng: 0 điểm; | |
| 3.3.4 | - Có  Chứng chỉ kiểm toán viên;<br>- Có giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán còn hiệu lực;<br>- Có tên trong danh sách các kiểm toán viên đủ điều kiện hành nghề do Bộ Tài chính công bố trên trang Web của Bộ Tài chính tại thời điểm gần nhất so với ngày đóng thầu. | | 2 | - Đáp ứng tất cả tiêu chí trên: 2 điểm;<br>- Không đáp ứng các tiêu chí trên: 0 điểm | |
| 3.4 | Kỹ thuật viên về kỹ thuật | 2 | 8 | | |
| 3.4.1 | - Có trình độ đại học trở lên ngành/chuyên ngành kinh tế xây dựng/kỹ sư xây dựng cầu đường (hoặc tương đương);<br>- Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng II trở lên còn hiệu lực;<br>- Có kinh nghiệm trong công tác tư vấn kiểm toán tối thiểu 05 năm;<br>- Đã làm tham gia thực hiện kiểm toán tối thiểu 01 hợp đồng tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ/cầu đường bộ (Phải có xác nhận của Chủ đầu tư/Ban QLDA). | | 8 | - Hơn 05 người: 8 điểm;<br>- Từ 02-05 người: 6 điểm;<br>- Dưới 02 người: 0 điểm; | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 3.5 | Kỹ thuật viên về tài chính | 2 | 7 | | |
| 3.5.1 | - Có trình độ đại học trở lên ngành/chuyên ngành xây dựng, giao thông hoặc ngành/chuyên ngành kinh tế;<br><br>- Có kinh nghiệm trong công tác tư vấn kiểm toán tối thiểu 05 năm;<br>- Đã tham gia thực hiện kiểm toán tối thiểu 01 hợp đồng kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ/cầu đường bộ (Phải có xác nhận của Chủ đầu tư/Ban QLDA). | | 7 | - Hơn 05 người: 7 điểm;<br>- Từ 02-05 người: 5 điểm;<br>- Dưới 02 người: 0 điểm; | |
| **Tổng cộng (100%)** | | | **100** | | **100** |

Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê.

## Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

**Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá**

Sử dụng thang điểm 100 thống nhất với thang điểm về kỹ thuật. Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times 100}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá$_{\text{đang xét}}$: Điểm giá của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

Điểm tổng hợp$_{\text{đang xét}}$ = K x Điểm kỹ thuật$_{\text{đang xét}}$ + G x Điểm giá$_{\text{đang xét}}$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật$_{\text{đang xét}}$: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá$_{\text{đang xét}}$: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%;K (%) =  70

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;G (%) = 30

+ K + G = 100%;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

# Chương IV: Biểu mẫu dự thầu

## Mẫu 01. Hạng mục công việc

Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng: Không áp dụng

Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương: Áp dụng

| STT | Mô tả công việc |
|---|---|
| 1 | Tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành |

# MẪU SỐ 02. ĐƠN DỰ THẦU[(1)]

*(thuộc E-HSĐXKT)*

Ngày: *[Hệ thống tự trích xuất]*

Tên gói thầu: ***Gói thầu số 05: Tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành***

Kính gửi: ***Ban Quản lý dự án 5***

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: _____*[ Hệ thống tự động trích xuất]*, số đăng ký doanh nghiệp: ___ [ Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu ***Gói thầu số 05: Tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành*** số E-TBMT: ***IB2200018793*** theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT

Hiệu lực của E-HSĐXKT: ***Ngày***

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

6. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai

bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

# MẪU SỐ 03. THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Gói thầu: _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Thuộc dự án: *Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1973+332 - Km1973+560 (T), Km1973+560 - Km1975+100, Km1975+100 - Km1975+750 (P), Km1975+750 - Km1977+800, Km1977+800 - Km1979+100 (P), Km1980+300 - Km1982+756 (T), Km1980+500 - Km1982+400 (P), Km1985+800 - Km1986+356 (P), Km1986+356 - Km1987+560. Sửa chữa hệ thống thoát nước các đoạn Km1977+546 - Km1977+650 (P), Km1977+600 - Km1977+840 (T), Km1982+200 - Km1982+550 (P), Km2017+600 - Km2017+950 (P,T), Km2018+290 - Km2018+480 (P), Km2022+780*

Căn cứ(1): *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ(1): *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: *Gói thầu số 05: Tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành* với số E-TBMT: *IB2200018793*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:**____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Số đăng ký doanh nghiệp: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

**Tên thành viên liên danh thứ hai:**____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Số đăng ký doanh nghiệp: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

.....

**Tên thành viên liên danh thứ n:____** *[Hệ thống tự động trích xuất]*
Số đăng ký doanh nghiệp: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*
Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[nhà thầu ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

*- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*

*- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*

*- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].*

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ *[Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh]*làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau(2) :

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

*[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

*- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)]*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây(3) :

| STT | Tên các thành viên trong liên danh | Nội dung công việc đảm nhận | Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu |
|---|---|---|---|
| 1 | Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất) | _ | % |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 | _ | % |
| ... | ... | _ | % |
| ... | ... | _ | % |
| **Tổng cộng** | | **Toàn bộ công việc của gói thầu** | **100%** |

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[xác nhận, chữ ký số]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[xác nhận, chữ ký số]*

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

# MẪU SỐ 04. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU

File đính kèm:

# MẪU SỐ 05. NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

File đính kèm:

# MẪU SỐ 06. GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DVTV

File đính kèm:

# MẪU SỐ 07: LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

File đính kèm:

# MẪU SỐ 08. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

| STT | Nội dung công việc [1] | Tháng/ngày thứ [2] *[Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]* | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **.....** | **n** | **Tổng** |
| **1** | **[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:** | | | | | | | | | |
| | *1) Thu thập dữ liệu* | | | | | | | | | |
| | *2) Soạn thảo báo cáo* | | | | | | | | | |
| | *3) Báo cáo sơ bộ* | | | | | | | | | |
| | *4) Tổng hợp ý kiến* | | | | | | | | | |
| | *5) ...* | | | | | | | | | |
| | *6) Báo cáo cuối cùng]* | | | | | | | | | |
| **2** | **[Hạng** | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **mục công việc 2]** | | | | | | | | | |
| **...** | | | | | | | | | | |
| **n** | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

(1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.

(2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

# MẪU SỐ 09: DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

| STT | Tên | Số định danh/ CMTND/ căn cước công dân/ Hộ chiếu | Chức danh bố trí trong gói thầu | Cách thức huy động | Địa điểm làm việc | Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày][1] | | | | Tổng số tháng công/ngày công |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Hạng mục công việc 1 | Hạng mục công việc 2 | ...[2] | | |
| **I** | **Nhân sự chủ chốt [3]** | | | | | | | | | |
| **1** | Nguyễn Văn A | | *[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Biểu 3 Chương III]* | *[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê)]* | *[Công ty]* | | | | | *[Hệ thống tự tính]* |
| | | | | | *[Thực địa]* | | | | | *[Hệ thống tự tính]* |
| **2** | | | | | *[Công ty]* | | | | | |
| | | | | | *[Thực địa]* | | | | | |
| | …… | | | | | | | | | |
| | Số công nhân sự chủ chốt | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **II** | **Nhân sự khác** | | | | | | | | | |
| **1** | | | [Nhà thầu điền] | *Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê)]* | *[Công ty]* | | | | | *[Hệ thống tự tính]* |
| | | | | | *[Thực địa]* | | | | | *[Hệ thống tự tính]* |
| **2** | …. | | | | *[Công ty]* | | | | | *[Hệ thống tự tính]* |
| | | | | | *[Thực địa]* | | | | | *[Hệ thống tự tính]* |
| | Số công nhân sự khác | | | | | | | | | |

Ghi chú:

(1) Trường hợp Mục 14.3 BDL có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không thấp hơn quy định tại Mục 14.3 BDL.

(2) Hạng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08

(3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

# MẪU SỐ 11. ĐƠN DỰ THẦU[(1)]

*(thuộc E-HSĐXTC)*

Ngày: *[Hệ thống tự trích xuất]*

Tên gói thầu:

Kính gửi:

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: cam kết thực hiện gói thầu số E-TBMT: theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ***(VND)*** cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.
Số tiền bằng chữ: ***Không đồng***

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ***- %***

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ***(VND)*** (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSĐXTC: ***Ngày*** kể từ ngày có thời điểm đóng thầu

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.
Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

# MẪU SỐ 12. THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

| STT | Họ và tên<br>(1) | Chức danh bố trí trong gói thầu<br>(2) | Địa điểm làm việc<br>(3) | Thù lao/ Tháng - người<br>(4) | Số Tháng người<br>(5) | Thù lao cho chuyên gia<br>(6) = (4) x (5) | Tổng<br>(7) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| n | | | | | | | |

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục III Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Được Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 09
- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để Hệ thống trích xuất thông tin vào cột này.
- Cột (6) (7): Hệ thống tự tính

# MẪU SỐ 13. CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

| STT | Miêu tả | Đơn vị tính | Chi phí/đơn vị<br>(1) | Số lượng<br>(2) | Chi phí<br>(3) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| n | | | | | |

# MẪU SỐ 15. TỔNG HỢP CHI PHÍ

| STT | Nội dung | Giá dự thầu |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |
| ... | | |
| n | | |

## Chương V: Điều khoản tham chiếu

Tài liệu đính kèm: 2. Chương V Điều khoản tham chiếu.docx

# Chương VI: Điều kiện chung của hợp đồng

| | |
|---|---|
| 1. Định nghĩa: | Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:<br><br>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;<br>' +<br>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;<br><br>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;<br><br>1.4. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất trong E-HSDT và được Nhà thầu ký hợp đồng để thực hiện dịch vụ liên quan;<br><br>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;<br><br>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);<br><br>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;<br><br>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu; |

| | |
|---|---|
| | 1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;<br><br>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT.<br><br>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT.<br><br>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV. |
| 2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên | 2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.<br><br>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:<br><br>a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;<br><br>b) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;<br><br>c) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;<br><br>d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;<br><br>đ) E-ĐKCT;<br><br>e) E-ĐKC; |

| | |
|---|---|
| | g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;<br><br>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);<br><br>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. |
| 3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng | 3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.<br><br>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt. |
| 4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng | 4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.<br><br>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.<br><br>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. |

| | |
|---|---|
| | 4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:<br><br>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;<br><br>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;<br><br>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;<br><br>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.<br><br>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.<br><br>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì. |
| Điều 5. Bản quyền | 5.1. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.<br><br>5.2. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư. |
| 6. Bảo hiểm | 6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm |

| | |
|---|---|
| | rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.<br><br>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn. |
| 7. Loại hợp đồng | Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT. |
| 8. Giá hợp đồng | Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT. |
| 9. Thuế, phí | Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng. |
| 10. Thanh toán | Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. |
| 11. Thời gian thực hiện hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT. |
| 12. Điều chỉnh hợp đồng | 12.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong khoảng thời gian nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị điều chỉnh hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng.<br><br>12.2. Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được thực hiện trong trường hợp sau đây:<br><br>a) Bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của chủ đầu tư và nhà thầu;<br><br>b) Thay đổi phạm vi công việc do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.<br><br>12.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa |

| | |
|---|---|
| | thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.<br><br>12.4. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng. |
| 13. Nhân sự | 13.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.<br>13.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. |
| 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu | 14.1. Quyền của nhà thầu:<br><br>a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;<br><br>b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;<br><br>c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);<br><br>d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Điều 10 Chương này. |

| | |
|---|---|
| | 14.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:<br><br>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;<br><br>b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;<br><br>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có);<br><br>d) Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;<br><br>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;<br><br>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng. |
| 15. Nhà thầu phụ | 15.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. |

| | |
|---|---|
| | Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại E-ĐKCT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.<br><br>15.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.<br><br>15.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ<br><br>15.4. Nhà thầu không được sử dụng thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT.<br><br>15.5. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT. |
| 16. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại | Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT. |
| 17. Tạm dừng hợp đồng | Chủ đầu tư có thể tạm dừng các khoản thanh toán cho Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu tư vấn nhận được thông báo tạm dừng. |
| 18. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu | 18.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.<br><br>18.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. |

| | |
|---|---|
| | 18.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Khoản 1 Điều này, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt. |
| 19. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư | Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT. |
| 20. Trường hợp bất khả kháng | 20.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.<br><br>20.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.<br><br>20.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. |

| | |
|---|---|
| | Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.<br><br>20.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.<br><br>20.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:<br><br>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc<br><br>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.<br><br>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 21 Chương này. |
| 21. Giải quyết tranh chấp | 21.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.<br><br>21.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh |

| | |
|---|---|
| | chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT. |
| 22. Thông báo | 22.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.<br><br>22.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tuỳ theo ngày nào đến muộn hơn. |

# Chương VII - Điều kiện cụ thể hợp đồng

**E-ĐKC 1.1**

Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 5

**E-ĐKC 1.3**

Nhà thầu:

**E-ĐKC 1.10**

Địa điểm dự án: Quốc lộ 1, Tiền Giang

**E-ĐKC 1.11**

Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày bên A thông báo thực hiện hợp đồng.

**E-ĐKC 2.2**

Các tài liệu khác:

**E-ĐKC 4.1**

Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không

**E-ĐKC 7**

Loại hợp đồng: Trọn gói

**E-ĐKC 8**

Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp: Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.

**E-ĐKC 10**

Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: VND

Thời hạn thanh toán: + Sau khi báo cáo kiểm toán của toàn bộ Dự án được nghiệm thu: Bên A thanh toán tiếp đến 80% giá trị hợp đồng, đồng thời thu hồi hết giá trị đã tạm ứng.
+ Sau khi báo cáo Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành cuối cùng được nghiệm thu và ký Hồ sơ quyết toán A-B: Bên A thanh toán nốt 20% giá trị hợp đồng.

**E-ĐKC 11**

Thời hạn thực hiện hợp đồng: 30 ngày

**E-ĐKC 12.1**

Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu điều chỉnh hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 5 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh)

**E-ĐKC 13.2**

Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 3 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư)

**E-ĐKC 15.1**

Danh sách nhà thầu phụ:__ [ghi danh sách nhà thầu phụ hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E_HSDT]

**E-ĐKC 15.2**

Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: null % giá hợp đồng.

**E-ĐKC 15.5**

Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không

**E-ĐKC 16**

Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:

1.Phạt vi phạm hợp đồng: Không áp dụng

2.Bồi thường thiệt hại:

**E-ĐKC 18.1**

Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Những nội dung cụ thể mà khi nhà thầu tư vấn vi phạm thì chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng sẽ được quy định trong bước thương thảo hợp đồng.

**E-ĐKC 19**

Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: - Do người quyết định đầu tư quyết định thay đổi mục tiêu đầu tư, thay đổi hoặc tạm dừng thực hiện.
- Do các quy định của Chính phủ và Bộ GTVT.
- Do Nhà nước không bố trí vốn để thanh toán việc thực hiện hợp đồng cho nhà thầu tư vấn.

**E-ĐKC 21.2**

Giải quyết tranh chấp: - Trường hợp không hòa giải được, thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra Toà án.
- Cơ quan xử lý tranh chấp: Tòa án kinh tế - Tòa án nhân dân TP  Đà Nẵng.
- Trong thời gian chờ đợi phân xử của toà án, nhà thầu tư vấn vẫn phải thực hiện trách nhiệm theo hợp đồng, không vì lý do tranh chấp mà tạm ngừng thực hiện hợp đồng. Nếu không thực hiện quy định trên thì nhà thầu tư vấn phải bồi thường cho chủ đầu tư. Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện. Án phí do bên thua kiện chịu

**E-ĐKC 22.1**

Địa chỉ để 2 bên thông báo cho nhau những thông tin quy định:

- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư :

Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 5

Điện thoại: 0913499279

Số Fax:

Email: ktkhban5@gmail.com

Địa chỉ: 10B Nguyễn Chí Thanh - Đà Nẵng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu:

Tên nhà thầu:

Điện thoại:

Số Fax:

Email tên nhà thầu:

Địa chỉ:

---

Trường hợp ô điền thông tin không đủ độ dài để điền các nội dung về hợp đồng cụ thể hoặc không thể điền được công thức thì đính kèm, tuy nhiên trong từng nội dung cụ thể phải ghi rõ tham chiếu đến tệp tin đính kèm:

# Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng

## Chương VIII: Biểu mẫu hợp đồng

File đính kèm: Chương VIII.docx